TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2020/QĐST- HNGĐ	*TH, ngày 10 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 954/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Quốc Thái, sinh năm 1989

Trú tại: Tổ 12, phường Đề Thám, thành phố N Bình, tỉnh N Bình

Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm Cao Sơn 3, xã Sơn Cẩm, TP TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51; 54; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **:** Anh Ngô Quốc T và chị Trần Thị Hồng N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quốc T và chị Trần Thị Hồng N

đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị N thỏa thuận : Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con

chung Ngô Tùng A, sinh ngày 27/6/2016 cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chị N thỏa thuận anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/ 01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và số nợ: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đồng(Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002451 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP TN;
- THADS TPTN;
- UBND phường ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường ;
- Lưu hồ sơ vụ án.